

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 21/2000/QH10 ngày 28 tháng 6 năm 2000 và Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Tổng công ty.

Ngày 25/06/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 105/2012/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Chính phủ của đã ban hành Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính hoạt động khoa học và công nghệ.

Theo quy định của Thông tư 105, Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Tổng công ty cần được rà soát, sửa đổi bổ sung cho phù hợp và lấy tên gọi là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học công nghệ. Đồng thời theo Thông tư 105 thẩm quyền phê duyệt Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ và phê duyệt mức trích quỹ hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Tổng công ty theo Dự thảo đính kèm và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức trích quỹ hàng năm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Cự Tân

**QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG
QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
CỦA TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN & HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP**

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này quy định việc tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Quỹ) của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - CTCP (Tổng công ty).
- 1.2 Quy chế này áp dụng đối với công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Điều 2. Mục đích thành lập

Quỹ là tổ chức do Tổng công ty thành lập để tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ của Tổng công ty tại Việt Nam thông qua hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao cạnh tranh của Tổng công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt

Trong Quy chế này, các chữ viết tắt và từ ngữ và được hiểu như sau:

- *KHCN*: Khoa học và công nghệ;
- *Tổng công ty*: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí –CTCP;
- *Đơn vị trực thuộc*: Các Ban/Văn phòng Tổng công ty, Ban quản lý (nếu có), Văn phòng đại diện, Nhà máy, Chi nhánh, Văn phòng đại diện.

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

- 4.1 Một phần từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế của Tổng công ty, nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế trong kỳ.
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành sau khi đã kết chuyển hết các khoản lỗ theo quy định.
- 4.2 Các nguồn khác theo quy định của Pháp luật.

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA QUỸ

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

- 5.1 Tiếp nhận và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ do Tổng công ty cấp, hoặc từ các nguồn hợp pháp khác.
- 5.2 Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tài chính hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty.
- 5.3 Cấp kinh phí để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty trên cơ sở kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc cá nhân/tổ chức được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phê duyệt .
- 5.4 Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí của Quỹ.
- 5.5 Phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.
- 5.6 Hàng năm Quỹ phải lập báo cáo trích, sử dụng và kê khai số liệu về mức trích lập, số tiền trích lập vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ được gửi đến cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Sở Khoa học và công nghệ và Sở Tài chính. Thời hạn nộp cùng thời điểm nộp báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra, Quỹ phải thực hiện các báo cáo khác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 5.7 Cấp có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Quỹ.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ

Điều 6. Bộ máy tổ chức và điều hành Quỹ

Bộ máy tổ chức và điều hành Quỹ bao gồm: Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ, Thư ký Quỹ và nhân viên kế toán Quỹ.

6.1 Giám đốc Quỹ:

Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty kiêm nhiệm. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ được quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Quy chế này.

- b) Chỉ định nhân sự đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Quỹ, Thư ký Quỹ và Kế toán Quỹ;
- c) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ;
- d) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Quỹ.

6.2 Phó Giám đốc Quỹ:

Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ chỉ định và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ sau:

- a) Hỗ trợ Giám đốc Quỹ triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Quỹ;
- b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ khi Giám đốc Quỹ ủy quyền.

6.3 Thư ký Quỹ:

Thư ký Quỹ do Giám đốc Quỹ chỉ định và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ. Thư ký Quỹ có các nhiệm vụ sau:

- a) Dự thảo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ và nhu cầu sử dụng vốn của Quỹ;
- b) Giúp Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ: chuẩn bị tài liệu, điều kiện cho các cuộc họp, thực hiện chế độ thông tin báo cáo việc đăng ký, thẩm định, triển khai các dự án, đề tài, xây dựng kế hoạch làm việc của Quỹ và các nhiệm vụ liên quan khác.

6.4 Nhân viên kế toán Quỹ:

Nhân viên kế toán Quỹ do Giám đốc Quỹ chỉ định và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ. Nhân viên kế toán Quỹ có các nhiệm vụ sau:

- a) Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, thanh quyết toán, báo cáo,...theo đúng quy định của pháp luật;
- b) Giúp Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác.

Điều 7. Trích lập Quỹ

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt mức trích lập Quỹ hàng năm theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 8. Sử dụng Quỹ

Việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển khoa học công nghệ của Tổng công ty phải theo đúng quy định của pháp luật.

Nguồn vốn của Quỹ dùng để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp Tập đoàn liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng công ty

Tổng công ty phải xây dựng quy chế đề xuất, xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng công ty và quy chế chi tiêu, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty gửi cơ quan thuế nơi Tổng công ty đăng ký thuế để kiểm soát. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy chế.

Việc xây dựng quy chế phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong nội bộ Tổng công ty.

3. Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty

a) Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty: Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ; chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ; chi khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ; các hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp;

b) Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty;

c) Mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 7 Luật Chuyển giao công nghệ để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp;

d) Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty;

đ) Chi cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

f) Chi cho các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong nước và ngoài nước: Hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước; chi phí cho các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung theo các lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên;

g) Chi cho đánh giá, thử nghiệm, kiểm chuẩn, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

4. Chi điều chuyển về quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật

5. Chi nộp về quỹ phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước theo quy định pháp luật

6. Chi quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty.

Điều 9. Nguyên tắc quản lý Quỹ

9.1 Quỹ chỉ được sử dụng cho hoạt động đầu tư khoa học và công nghệ của Tổng công ty. Không được sử dụng nguồn vốn của Quỹ để đầu tư cho các hoạt động khác không gắn với việc phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty tại Việt Nam hoặc đầu tư cho các dự án khoa học và công nghệ đã được tài trợ bởi các nguồn vốn khác.

9.2 Các khoản chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty phải có chứng từ theo quy định của quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ. Trường hợp trong năm, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ vượt quá số tiền hiện có tại Quỹ thì được lựa chọn trích trước Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu hoặc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

9.3 Trường hợp Tổng công ty chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ phát triển khoa học và công nghệ, thì Tổng công ty phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố nếu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp không phải là đối tượng bắt buộc áp dụng, Tổng công ty được lựa chọn đóng góp hoặc không đóng góp vào các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố nơi Tổng công ty đăng ký nộp thuế. Trường hợp không đóng góp vào các quỹ của nhà nước thì trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty không được sử dụng, hoặc sử dụng không hết hoặc sử dụng không đúng mục đích thì Tổng công ty phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

9.4 Khi Tổng công ty đã đóng góp vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ vào các Quỹ của nhà nước khi có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần sử dụng kinh phí có quyền yêu cầu hỗ trợ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ nơi đã nhận điều chuyển có trách nhiệm hỗ trợ bằng số kinh phí đã điều chuyển và ưu tiên hỗ trợ thêm trong khả năng đáp ứng của quỹ theo dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 10. Kế hoạch tài chính và công tác kế toán của Quỹ

- 10.1 Hàng năm Quỹ lập kế hoạch tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- 10.2 Quỹ tổ chức hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, thanh quyết toán theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý Quỹ khi có sự thay đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Tổng công ty

- 11.1 Khi Tổng công ty có sự thay đổi về hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập thì doanh nghiệp mới thành lập từ việc thay đổi hình thức sở hữu, hợp nhất và doanh nghiệp nhận sáp nhập từ Tổng công ty (nếu có) được kế thừa và chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng Quỹ trước khi chuyển đổi, hợp nhất, sáp nhập theo quy định pháp luật.
- 11.2 Trường hợp nếu có Quỹ chưa sử dụng hết khi thực hiện chia, tách Tổng công ty thì doanh nghiệp mới thành lập từ việc chia, tách được kế thừa và chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng Quỹ trước khi chia tách Tổng công ty.
- 11.3 Đại hội đồng cổ đông hoặc cá nhân/tổ chức được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền quyết định việc phân chia Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, giao Giám đốc Quỹ thực hiện việc đăng ký với cơ quan thuế trước khi thực hiện.

Chương IV GIẢI THỂ VÀ ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động

- 12.1 Quỹ bị đình chỉ hoạt động khi vi phạm pháp luật.
- 12.2 Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động khi:
- a) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng theo quy định tại Quy chế này;
 - b) Vi phạm các quy định về quản lý tài chính của Quỹ và của Nhà nước;
 - c) Tổ chức quản lý và điều hành Quỹ sai quy định của pháp luật hiện hành;
 - d) Sử dụng sai có hệ thống hoặc sử dụng sai nghiêm trọng các khoản tài trợ có mục đích của các tổ chức, cá nhân tài trợ cho Quỹ;
 - e) Tổ chức vận động tài trợ trái pháp luật.
- 12.3 Đối với các vi phạm nêu tại điểm a, b khoản 12.2 Điều này, ngoài việc bị đình chỉ, hoặc tạm đình chỉ hoạt động thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Quỹ có thể bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tùy theo mức độ vi phạm, những người có trách nhiệm

quản lý Quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- 12.4 Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bị tạm đình chỉ hoạt động, nếu Quỹ sửa chữa, khắc phục được những vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này thì được xem xét cho phép hoạt động trở lại theo quy định pháp luật.

Điều 13. Giải thể Quỹ

- 13.1 Tùy theo yêu cầu và khả năng hoạt động của Quỹ, Đại hội đồng cổ đông có quyền ra quyết định giải thể Quỹ, đồng thời báo cáo với Sở Tài chính, Sở Khoa học và công nghệ, Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh.

- 13.2 Quỹ bị buộc phải giải thể trong những trường hợp sau đây :

- a) Trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập nhưng Quỹ không hoạt động;
- b) Không được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động quá 06 tháng kể từ ngày quyết định tạm đình chỉ có hiệu lực.

Điều 14. Xử lý tài sản khi giải thể Quỹ

Việc xử lý tài sản khi giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- 14.1 Khi giải thể Quỹ, phải tiến hành kiểm kê, toàn bộ tài sản, tiền vốn, công nợ,... Thực hiện đối chiếu giữa sổ sách và thực tế kiểm kê, làm rõ nguyên nhân chênh lệch (nếu có). Sau khi thanh toán hết các khoản công nợ và chi phí giải thể, phần giá trị còn lại được phân chia theo cơ cấu hình thành nguồn vốn ban đầu của Quỹ giữa phần đóng góp của nhà nước thông qua việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và phần đóng góp của Tổng công ty từ lợi nhuận.
- 14.2 Đối với phần có nguồn gốc đóng góp của nhà nước phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.
- 14.3 Nghiêm cấm việc phân tán tiền và tài sản của Quỹ trái pháp luật.
